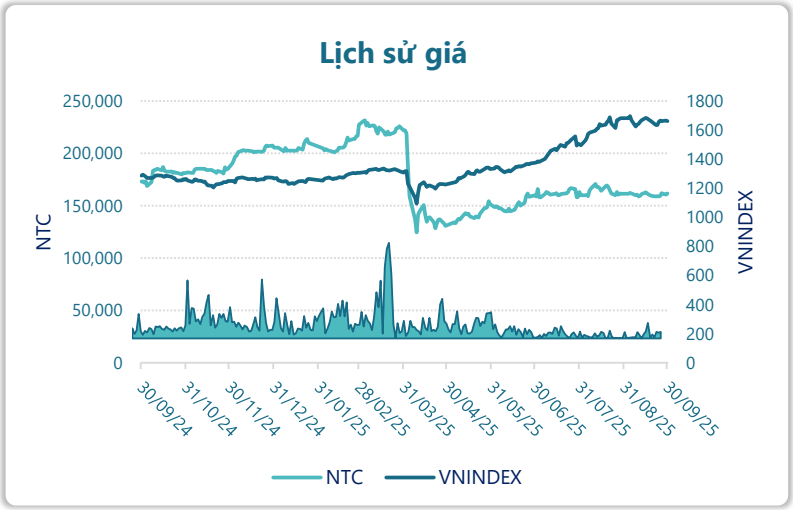
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**161,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	231,613
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	124,492
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,090
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,881
P/E	9.3
EPS	17,325

DT thuần

Q3/25

229

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 86.0| 60.4%

YoY: ▲ 178| 348%

LN sau thuế

Q3/25

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.3| 26.0%

YoY: ▲ 61.8| 95.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

66.4%

+/- YoY: ▼ 79.6%

DT thuần

9T 2025

507

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 332| 190%

LN sau thuế

9T 2025

294

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 99.0| 50.8%

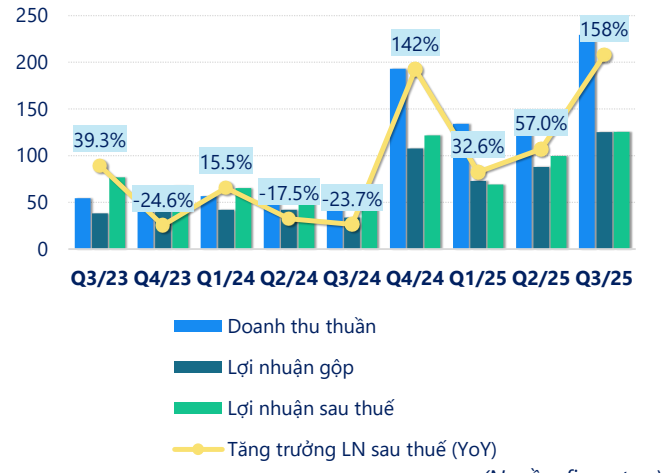
ROE

Q3/25

34.4%

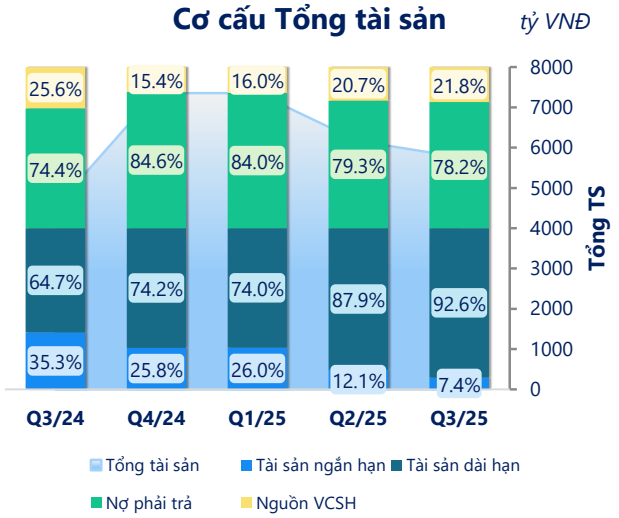
+/- YoY: ▲ 9.4%

Kết quả kinh doanh



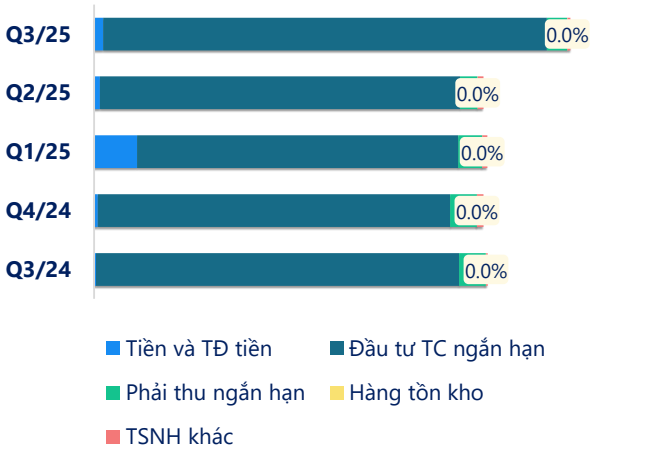
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



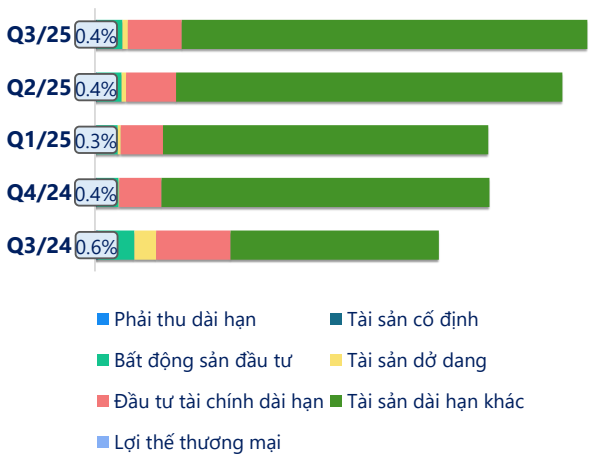
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



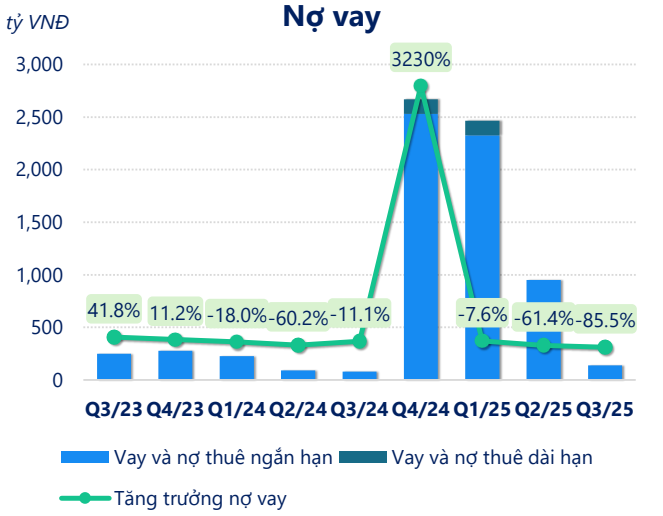
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



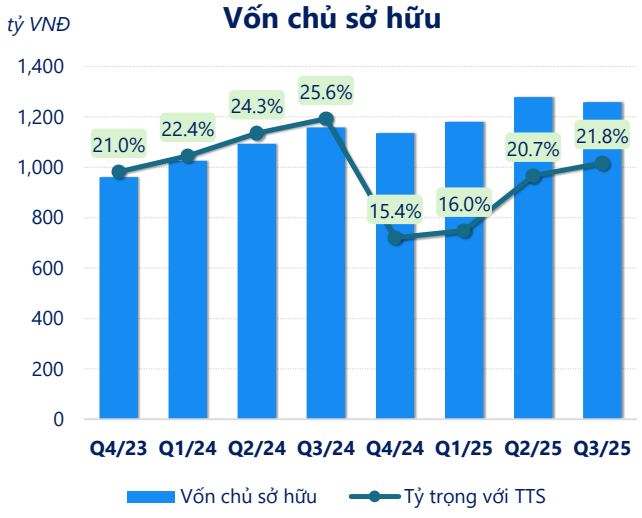
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



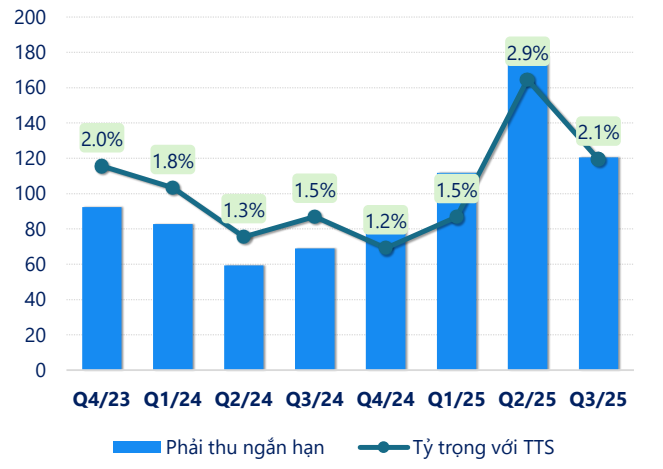
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



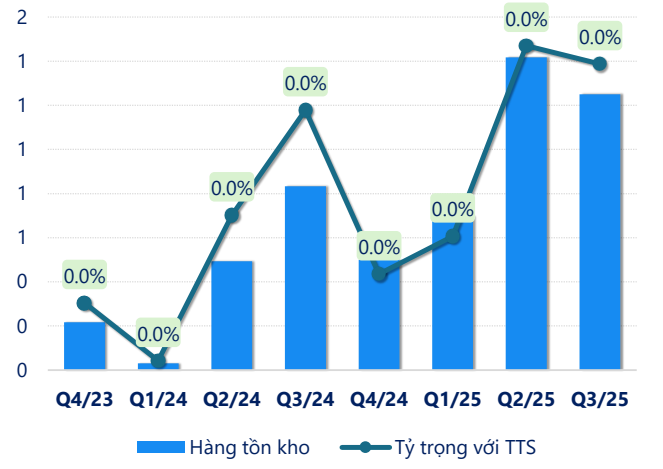
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



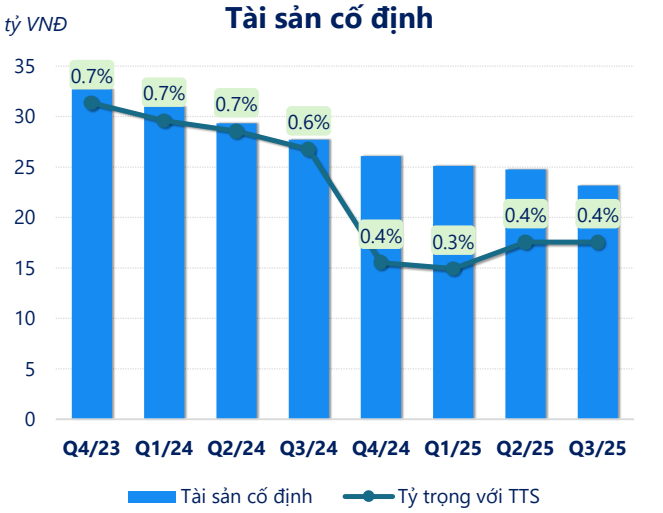
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



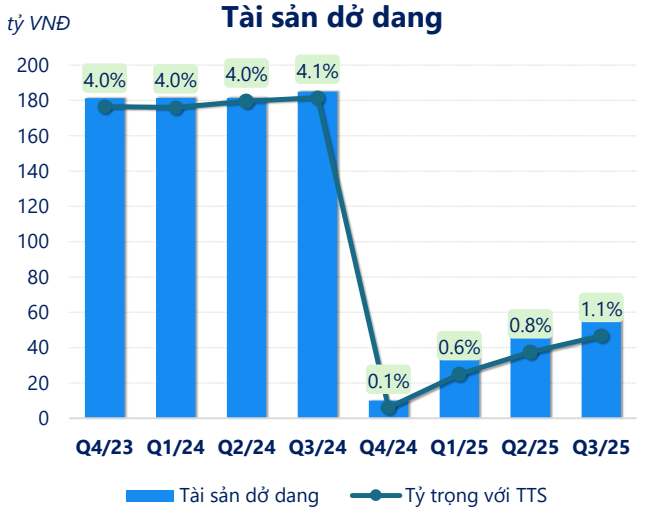
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



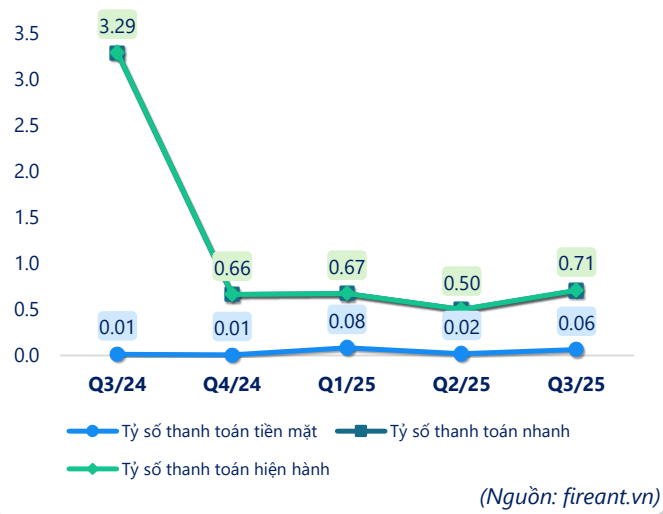
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



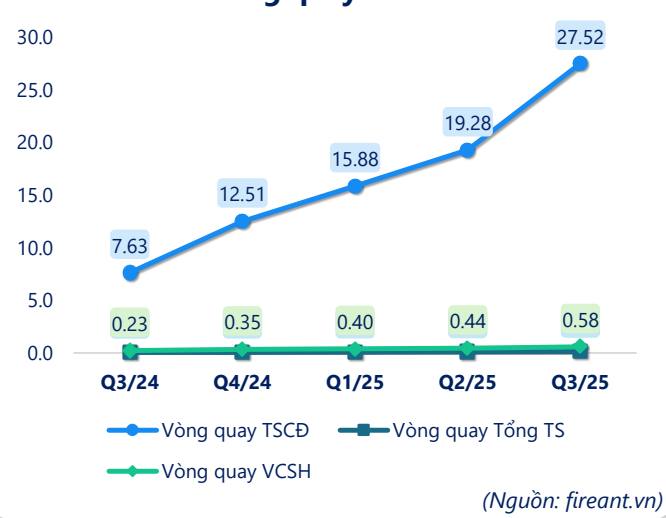
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,528**	**7,353**	**7,353**	**6,166**	**5,767**
Tài sản ngắn hạn	**1,598**	**1,898**	**1,914**	**748**	**426**
Tiền và tương đương tiền	6.52	20.2	238	27.5	38.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,512	1,779	1,542	535	266
Phải thu ngắn hạn	68.9	88.9	112	178	120
Hàng tồn kho	0.83	0.50	0.70	1.42	1.25
Tài sản ngắn hạn khác	9.91	9.59	22.0	5.97	0
Tài sản dài hạn	**2,929**	**5,455**	**5,439**	**5,419**	**5,342**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	27.7	26.1	25.1	24.8	23.2
Bất động sản đầu tư	308	300	291	283	275
Tài sản dở dang	185	9.94	41.5	51.9	60.6
Đầu tư tài chính dài hạn	635	583	583	582	582
Tài sản dài hạn khác	1,774	4,536	4,498	4,477	4,401
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,371**	**6,218**	**6,173**	**4,889**	**4,510**
Nợ ngắn hạn	**486**	**2,866**	**2,843**	**1,493**	**602**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.1	2,530	2,327	951	138
Phải trả người bán ngắn hạn	0.77	2.64	0.73	5.16	2.15
Nợ dài hạn	2,885	3,352	3,330	3,396	3,908
Vay và nợ thuê dài hạn	0	138	138	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,157**	**1,135**	**1,180**	**1,278**	**1,258**
Vốn chủ sở hữu	**1,157**	**1,135**	**1,180**	**1,278**	**1,258**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)